

TỔNG MỤC LỤC

TẠP CHÍ KHOA HỌC XÃ HỘI NĂM 2015

(TỪ SỐ 1(197)2015 ĐẾN SỐ 12(208)2015)

TRIẾT HỌC - CHÍNH TRỊ HỌC - LUẬT HỌC

Lê Hồng Anh. *Phát biểu của đồng chí Lê Hồng Anh, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư tại Hội nghị Tổng kết công tác năm 2014, triển khai nhiệm vụ năm 2015 của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.* Số 1(197)-2015, tr. 9-13.

Ngô Thị Mỹ Dung. *Một số nội dung cơ bản trong tư tưởng triết học pháp quyền của Samuel Von Pufendorf.* Số 1(197)-2015, tr. 14-21.

Bạch Thị Thu Hiền, Nguyễn Thị Kiều Thu. *Tìm hiểu mối liên hệ giữa triết học và ẩn dụ.* Số 2(198)-2015, tr. 1-10.

Nguyễn Hữu Sơn. *Những tiền đề hình thành tư tưởng chính trị của Huỳnh Thúc Kháng.* Số 3(199)-2015, tr. 6-12.

Đỗ Phú Hải. *Những vấn đề cốt lõi trong đổi mới thể chế tại Việt Nam hiện nay.* Số 4(200)-2015, tr. 1-13.

Dương Đình Tùng. *Vấn đề “tồn tại” trong Duy thức học và giá trị của nó đối với sự phát triển triết học Phật giáo.* Số 5(201)-2015, tr. 1-8.

Nguyễn Văn Hậu. *Bàn về tính hiệu quả trong bầu cử và bổ nhiệm nhân sự trong tổ chức chính quyền.* Số 5(201)-2015, tr. 9-15.

Hà Ly. *Triết học giáo dục – cơ sở để đổi mới và phát triển giáo dục.* Số 6(202)-2015, tr. 1-6.

Võ Châu Thịnh. *Quan niệm về bản chất con người và tư tưởng triết học pháp quyền của Machiavelli và Hobbes.* Số 7(203)-2015, tr. 1-8.

Nguyễn Đức Tuyển. *Một số hạn chế trong luật pháp và chính sách về đào tạo nghề cho phụ nữ, giai đoạn 2000 - 2014.* Số 8(204)-2015, tr. 1-12.

Phan Thị Thùy Trâm. *Tư tưởng Nguyễn An Ninh về đảng chính trị và mặt trận nhân dân trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc.* Số 11(207)-2015, tr. 1-8.

Võ Châu Thịnh. *Đặc điểm, giá trị và hạn chế của triết học chính trị Machiavelli.* Số 12(208)-2015, tr. 1-10.

KINH TẾ HỌC - XÃ HỘI HỌC

Lê Thanh Sang, Nguyễn Đặng Thảo. *Liên kết trong sản xuất và tiêu thụ tôm: Những vấn đề đặt ra từ nghiên cứu trường hợp xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau*. Số 1(197)-2015, tr. 22-35.

Trần Hữu Quang, Phan Thanh Lôi. *Ứng xử kinh tế của nông hộ trong bối cảnh làng Việt ở Nam Bộ*. Số 1(197)-2015, tr. 36-55.

Nguyễn Xuân Nghĩa. *Một số khuynh hướng mới trong nghiên cứu xã hội từ nửa cuối thế kỷ XX đến nay*. Số 1(197)-2015, tr. 56-69.

Lê Thanh Sang, Nguyễn Đặng Minh Thảo. *Bài toán liên kết trong sản xuất - tiêu thụ lúa gạo ở Tây Nam Bộ: nghiên cứu trường hợp xã Mong Thọ A, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang*. Số 2(198)-2015, tr. 11-23.

Ngô Thị Phương Lan. *Vấn đề sản xuất bền vững lúa gạo ở Đồng bằng sông Cửu Long*. Số 2(198)-2015, tr. 24-31.

Lê Thị Mai. *Người Việt Nam định cư ở nước ngoài: hội nhập xã hội và bản sắc văn hóa*. Số 2(198)-2015, tr. 32-47.

Nguyễn Mai Long, Lê Thanh Sang. *Liên kết phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ nhìn từ năng lực sản xuất kinh doanh của chủ thể doanh nghiệp*. Số 3(199)-2015, tr. 13-28.

Tôn Nữ Quỳnh Trân. *Từ quan điểm của Louis Wirth nhìn về lối sống của người dân Thành phố Hồ Chí Minh*. Số 3(199)-2015, tr. 29-36.

Nguyễn Tấn Dân. *Thực trạng bình đẳng giới trong gia đình người Việt – nghiên cứu tại một xã nông thôn vùng Tây Nam Bộ*. Số 4(200)-2015, tr. 14-28.

Đỗ Thiên Kính. *Xu hướng biến đổi cấu trúc các tầng lớp xã hội ở vùng kinh tế trọng điểm phía Nam trong thời kỳ đổi mới*. Số 4(200)-2015, tr. 29-40.

Phan Tân. *Vấn đề tin đồn trong nghiên cứu dư luận xã hội: Gợi mở hướng ứng xử với tin đồn trong tình hình hiện nay*. Số 4(200)-2015, tr. 41-50.

Lê Diễm Thu, Nguyễn Thị Vân. *Phát triển công nghiệp hỗ trợ tại Việt Nam: hiện trạng và triển vọng*. Số 5(201)-2015, tr. 16-26.

Nguyễn Thị Bảo Hà. *Nhu cầu của người khuyết tật và hoạt động hỗ trợ của các tổ chức xã hội dành cho người khuyết tật tại TPHCM hiện nay*. Số 5(201)-2015, tr. 27-37.

Hoàng Thị Thu Huyền. *Những yếu tố ảnh hưởng đến tích tụ ruộng đất ở vùng Tây Nam Bộ*. Số 6(202)-2015, tr. 7-21.

Trần Quý Long. *Sử dụng thời gian làm việc nhà của trẻ em Việt Nam và các yếu*

tổ ảnh hưởng. Số 6(202)-2015, tr. 22-33.

Đỗ Thiên Kính. *Xu hướng bất bình đẳng về mức sống ở Việt Nam trong 20 năm đổi mới gần đây (1992/1993 - 2012)*. Số 7(203)-2015, tr. 9-18.

Nguyễn Thị Minh Châu, Nguyễn Đặng Minh Thảo. *Người thu gom rác dân lập ở Thành phố Hồ Chí Minh: nguy cơ rủi ro sức khỏe và bảo đảm an sinh xã hội*. Số 7(203)-2015, tr. 19-27.

Lê Vy Hào. *Những chuyển biến của kinh tế nông nghiệp tỉnh Bình Dương trong quá trình đô thị hóa*. Số 8(204)-2015, tr. 13-25.

Nguyễn Quốc Định. *Tình hình thực hiện quyền của người lao động tại một số doanh nghiệp FDI ở thành phố Biên Hòa*. Số 8(204)-2015, tr. 26-36.

Trần Thị Kim Xuyên - Phạm Thị Thùy Trang. *Nếp sống đô thị ở Thành phố Hồ Chí Minh – góc nhìn của người trong cuộc*. Số 9+10(205+206)-2015, tr. 128-141.

Hoàng Thị Thu Huyền. *Tác động của tích tụ ruộng đất đến hiệu quả sản xuất nông nghiệp và đời sống kinh tế xã hội ở nông thôn Tây Nam Bộ*. Số 9+10(205+206)-2015, tr. 142-154.

Phan Tuấn Anh. *Phát triển nguồn nhân lực cho các khu công nghiệp tỉnh Bình Dương trong thời kỳ hội nhập*. Số 11(207)-2015, tr. 9-23.

Đỗ Văn Thắng. *Khoa học và công nghệ với sự phát triển bền vững ở Thành phố Hồ Chí Minh*. Số 11(207)-2015, tr. 24-32.

Trần Đan Tâm - Nguyễn Thị Cúc Trâm. *Biến đổi xã hội trong tiến trình đô thị hóa tại quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh – nhìn từ các số liệu thống kê*. Số 12(208)-2015, tr. 11-20.

Hà Thúc Dũng - Lê Thị Mỹ. *Phân tầng mức sống giữa các nhóm dân cư trong quá trình đô thị hóa (nghiên cứu trường hợp phường Cát Lái, quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh)*. Số 12(208)-2015, tr. 21-30.

Trần Đan Tâm. *Hoạt động văn hóa giải trí của cư dân trong quá trình đô thị hóa (trường hợp phường Cát Lái, quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh)*. Số 12(208)-2015, tr. 31-43.

VĂN HỌC - NGÔN NGỮ HỌC - NGHIÊN CỨU VĂN HÓA - NGHỆ THUẬT

Trần Thị Ngọc Diễm. *Sắc thái biểu cảm của từ xưng hô trong ca dao trữ tình Đồng bằng sông Cửu Long*. Số 1(197)-2015, tr. 70-80.

Hoàng Trọng Quyền. *Tư tưởng và thẩm mỹ trong hệ thống cấu trúc hình tượng Nhật ký trong tù của Hồ Chí Minh*. Số 2(198)-2015, tr. 48-54.

Trần Thanh Bình. *Một số hình thức ngữ pháp có sức tác động trong thơ*. Số 2(198)-2015, tr. 55-62.

Nguyễn Hữu Sơn. *Người đương thời Thơ mới bàn về thơ Đông Hồ*. Số 3(199)-2015, tr. 37-47.

Nguyễn Bá Long. *Cảm hứng dân thân trong thơ trẻ Việt Nam thời chống Mỹ*. Số 4(200)-2015, tr. 51-58.

Bùi Thanh Thảo. *Hình ảnh người chiến sĩ trong truyện ngắn yêu nước ở đô thị miền Nam 1965 - 1975*. Số 4(200)-2015, tr. 59-67.

Trần Phương Nguyên. *Kỹ năng viết tiếng Việt của học sinh tiểu học người Chăm ở Thành phố Hồ Chí Minh*. Số 4(200)-2015, tr. 68-75.

Nguyễn Công Đức, Nguyễn Văn Lập. *Vấn đề ngôn ngữ của học sinh dân tộc thiểu số trong giáo dục phổ thông (Trường hợp học sinh người M'Nông, tỉnh Đắk Nông)*. Số 5(201)-2015, tr. 38-43.

Trần Quốc Hoàn. *Góp phần làm rõ quan điểm phát triển “văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội”*. Số 5(201)-2015, tr. 44-49.

Nguyễn Thị Trúc Bạch. *Cải lương Nam Bộ: nhìn từ chủ thể văn hóa và đặc tính biểu cảm của loại hình*. Số 5(201)-2015, tr. 50-57.

Nguyễn Đình Thu. *Thời gian nghệ thuật trong thơ chữ Hán Đào Tấn*. Số 6(202)-2015, tr. 34-46.

Hồ Xuân Mai. *Những yếu tố ảnh hưởng đến dạy và học tiếng Việt bậc tiểu học cho học sinh Khmer trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh*. Số 6(202)-2015, tr. 47-53.

Nguyễn Lai. *Suy nghĩ về một đường lối quần chúng trong tầm nhìn ngôn ngữ Hồ Chí Minh*. Số 6(202)-2015, tr. 54-59.

Lê Văn Tấn. *Loại hình tác giả nhà Nho hành đạo trong văn học trung đại Việt Nam*. Số 7(203)-2015, tr. 28-40.

Nguyễn Hữu Sơn. *Tiếp nhận tư tưởng Trần Đình Hượu về nghiên cứu Nho giáo*. Số 7(203)-2015, tr. 41-50.

Nguyễn Huy Phòng. *Một số vấn đề về văn học dịch ở nước ta hiện nay*. Số 8(204)-2015, tr. 37-45.

Nguyễn Hữu Lễ. *Quá trình vận động của du ký Việt Nam qua các thời kỳ*. Số 8(204)-2015, tr. 46-57.

Võ Văn Nhơn. *Quan niệm về tiểu thuyết của các nhà văn Nam Bộ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX*. Số 9+10(205+206)-2015, tr. 158-185.

Lê Trung Hoa. *Từ cổ, từ lịch sử, từ địa phương trong địa danh Nam Bộ*. Số 9+10(205+206)-2015, tr. 166-176.

Phan Mạnh Hùng. *Phương thức kể và tả trong tiểu thuyết Nam Bộ cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX*. Số 11(207)-2015, tr. 33-47.

Nguyễn Thành Lâm. *Một vài nguyên tắc dịch thuật văn bản thư tín thương mại (Anh-Việt, Việt-Anh)*. Số 11(207)-2015, tr. 48-58.

Phạm Tuấn Vũ - Nguyễn Thị Hương Lại. *Từ Hán Việt trong thơ Trần Tế Xương*. Số 12(208)-2015, tr. 44-50.

Huỳnh Vĩnh Phúc. *Sự chuyển biến bước đầu từ ngữ vựng Hán Nôm sang ngữ vựng quốc ngữ (khảo sát qua tác phẩm Phép giảng tám ngày của Alexandre De Rhodes)*. Số 12(208)-2015, tr. 51-61.

SỬ HỌC - NHÂN HỌC - NGHIÊN CỨU TÔN GIÁO

Nguyễn Tùng. *Đi bộ thi sợ Hải Vân!*. Số 1(197)-2015, tr. 81-86.

Nguyễn Nghị. *Giáo xứ, tổ chức căn bản và phổ quát của Công giáo ở Việt Nam*. Số 1(197)-2015, tr. 87-95.

Đỗ Bang. *Châu bản triều Nguyễn là bằng chứng xác thực khẳng định chủ quyền Việt Nam tại quần đảo Hoàng Sa - Trường Sa*. Số 2(198)-2015, tr. 63-68.

Lê Thị Vĩ Phượng. *Tìm hiểu quá trình mở rộng cộng đồng Minh Hương qua sách Đại Nam thực lục*. Số 2(198)-2015, tr. 69-77.

Đặng Hoàng Lan. *Chức năng và vai trò của miếu Nhị Phủ trong đời sống kinh tế - xã hội của người Hoa Phúc Kiến ở Thành phố Hồ Chí Minh*. Số 2(198)-2015, tr. 78-84.

Nguyễn Duy Phương. *Công tác tổ chức, quản lý Quốc tự của triều Minh Mạng (1820 - 1840)*. Số 3(199)-2015, tr. 48-57

Phạm Thanh Thôi. *Chuyển đổi quyền sử dụng đất và sinh kế của người Churu ở Lâm Đồng trước đây và hiện nay*. Số 3(199)-2015, tr. 58-70.

Hà Thúc Minh. *Đạo đức và trí tuệ hay là giá trị của tam học Phật giáo đối với cuộc sống hiện nay*. Số 3(199)-2015, tr. 71-75.

Trần Thị Nhung. *Tiến trình thống nhất hai miền Nam - Bắc trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội trong cuộc kháng chiến chống Mỹ (1954 - 1975)*. Số 4(200)-2015, tr. 76-84.

Cao Phương Thảo. *Vị thế của Bình Dương trong cuộc kháng chiến chống Mỹ - từ góc nhìn địa lý quân sự*. Số 4(200)-2015, tr. 85-91.

Trần Nam Tiến. *Tìm hiểu động thái của các nước lớn trong những ngày cuối cùng của cuộc chiến tranh Việt Nam*. Số 4(200)-2015, tr.92-99.

Hồ Hữu Nhựt. *Nhớ lại những ngày đầu tiếp quản ngành giáo dục ở miền Nam sau*

giải phóng. Số 4(200)-2015, tr. 100-104.

Nguyễn Lục Gia. *Một số chỉ dẫn hàng hải trên vùng biển và bờ biển Phú Yên - Bình Định*. Số 5(201)-2015, tr. 58-74.

Lê Minh Chiến. *Quá trình biến đổi của tổ chức buôn làng người Kơho ở thị trấn Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng*. Số 5(201)-2015, tr. 75-85.

Nguyễn Khánh Trung Kiên. *Công xưởng chế tác công cụ bằng đá và đời sống của cộng đồng cư dân thời tiền sử ở Đông Nam Bộ*. Số 5(201)-2015, tr. 86-99.

Nguyễn Thị Phương Chi. *Xung đột Đại Việt - Chiêm Thành trong nửa cuối thế kỷ XIV (1360 - 1390)*. Số 6(202)-2015, tr. 60-68.

Phạm Thị Phương Thanh. *Tìm hiểu quá trình hình thành những cộng đồng ngư nghiệp ở vùng ven biển tỉnh Bình Thuận*. Số 6(202)-2015, tr. 69-76.

Nguyễn Tùng. *Về tổ chức xã hội ở Việt Nam thời xưa*. Số 7(203)-2015, tr. 51-62.

Ngô Đức Lập, Hồ Ngọc Đăng. *Hoạt động thanh tra dưới triều Nguyễn giai đoạn 1802 - 1885*. Số 7(203)-2015, tr. 63-70.

Phan Duy Anh, Bùi Thanh Xuân. *Sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân trong Cách mạng Tháng Tám 1945 – minh chứng của triết lý Hồ Chí Minh về chủ thể chính trị*. Số 8(204)-2015, tr. 58-63.

Phan Xuân Biên. *Từ Cách mạng Tháng Tám ở Sài Gòn - Chợ Lớn và Gia Định 70 năm về trước đến công cuộc đổi mới, hội nhập và phát triển của Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay*. Số 8(204)-2015, tr. 64-72.

Nguyễn Thị Phương. *Chính sách đối ngoại của Việt Nam với các nước Đông Bắc Á giai đoạn 1986 - 2006*. Số 8(204)-2015, tr. 73-83.

Thiều Thị Trà Mi. *Tiền tệ hóa và những biến đổi trong đời sống kinh tế - xã hội của người Ba Na (nhóm địa phương Rơ Ngao)*. Số 8(204)-2015, tr. 84-91.

Nguyễn Nghị. *Những điều kiện hình thành đặc điểm tính cách ứng xử của người nông dân châu thổ sông Cửu Long (phân tích qua một số tác giả trong và ngoài nước kể từ đầu thế kỷ XX tới nay)*. Số 9+10(205+206)-2015, tr. 177-195.

Đặng Ngọc Kính. *Lý thuyết vùng văn hóa, trung tâm - ngoại vi và vùng văn hóa tiền sử Đông Nam Bộ*. Số 9+10(205+206)-2015, tr. 196-208.

Võ Công Nguyễn. *Cư dân và văn hóa các tộc người thiểu số ở miền núi Đông Nam Bộ - Nam Tây Nguyên*. Số 9+10(205+206)-2015, tr. 209-217.

Trần Hồng Liên. *Nhận diện các xu hướng biến đổi trong đời sống tín ngưỡng của người Hoa ở Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay*. Số 9+10(205+206)-2015, tr. 218-227.

Nguyễn Thu Vân. *Các loại nông cụ truyền thống trong canh tác nông nghiệp ở tỉnh Vĩnh Long thế kỷ XX*. Số 11(207)-2015, tr. 59-69.

Mai Thị Mỹ Vị. *Đảng Lập Hiến Đông Dương và các hoạt động ở Nam Kỳ (1923 - 1939)*. Số 11(207)-2015, tr. 70-79.

Nguyễn Quốc Mạnh. *Di tích tiền sử muộn ở An Giang: đặc trưng và niên đại*. Số 11(207)-2015, tr. 80-96.

Lê Hoàng Phong. *Những đặc điểm chung giữa đàn đá Đông Nam Bộ với đàn đá Nam Tây Nguyên và Nam Trung Bộ*. Số 11(207)-2015, tr. 97-107.

Nguyễn Công Mạnh. *Khai mở đất nông nghiệp ở nông thôn Đông Nam Bộ thời kỳ 1975 - 2010 (nghiên cứu trường hợp xã Láng Dài, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu)*. Số 12(208)-2015, tr. 62-70.

Lê Thị Sơn. *Tín ngưỡng dân gian trong đời sống tinh thần của người Việt ở Tiền Giang*. Số 12(208)-2015, tr. 71-80.

MÔI TRƯỜNG VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Nguyễn Thị Thịnh. *Cách thức tái tạo rừng ngập mặn và nâng cao nhận thức cộng đồng trong hoạt động phục hồi hệ sinh thái ven biển (thí điểm tại lạch Lá Bé, khu vực 4, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định)*. Số 7(203)-2015, tr. 71-78.

Nguyễn Thị Thịnh. *Đánh giá hiệu quả truyền thông thích ứng biến đổi khí hậu tại các cộng đồng ven biển Đồng bằng sông Cửu Long*. Số 9+10(205+206)-2015, tr. 228-235.

Võ Dao Chi - Trần Quang Đạo. *Đô thị hóa và hệ thống kênh rạch: những vấn đề đặt ra trong phát triển bền vững (trường hợp kênh Tàu Hủ-Bến Nghé và Nhiêu Lộc-Thị Nghè, Thành phố Hồ Chí Minh)*. Số 12(208)-2015, tr. 81-93.

KHOA HỌC XÃ HỘI THẾ GIỚI

Zawawi Ibrahim. *Bốn thế hệ nhân học nghiên cứu về nông dân Malay*. Số 1(197)-2015, tr. 96-117.

Lê Minh Tiến. *Adolphe Quételet và những đóng góp trong xã hội học*. Số 2(198)-2015, tr. 85-90.

Nguyễn Thị Nhung. *Nghiên cứu về gia đình và các lý thuyết tiếp cận*. Số 3(199)-2015, tr. 76-83.

Trần Hữu Quang. *Sự biện chứng của xã hội theo P. Berger và T. Luckmann và trào lưu kiến tạo luận xã hội*. Số 6(202)-2015, tr. 77-88.

Paolo Coluzzi. *Cảnh quan ngôn ngữ ở Brunei Darussalam: vì sao một số ngôn ngữ*

không xuất hiện trên đường phố. Số 7(203)-2015, tr. 79-92.

TƯ VẤN CHÍNH SÁCH

Teramoto Minoru. *Kinh nghiệm từ xã hội già hóa của Nhật Bản qua sách của Tominaga Kenichi.* Số 2(198)-2015, tr. 91-96.

Lê Thị Hờ Rin. *Lao động nhập cư và những vấn đề đặt ra.* Số 3(199)-2015, tr. 84-93.

TRAO ĐỔI NGHIỆP VỤ

Phạm Văn Bích. *Khắc phục những quan niệm sai về viết và rèn luyện kỹ năng viết của nhà xã hội học.* Số 1(197)-2015, tr. 118-134.

Hoàng Văn Tuyên. *Các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực cán bộ khoa học và công nghệ: cách tiếp cận định lượng.* Số 3(199)-2015, tr. 94-104.

Nguyễn Công Bình. *25 năm Tạp chí Khoa học Xã hội.* Số 4(200)-2015, tr. 105.

Nguyễn Quang Vinh. *Tạp chí Khoa học Xã hội: trần trở với ba đỉnh của tam giác chất lượng.* Số 5(201)-2015, tr. 100-101.

Trần Hữu Quang. *Tạp chí nghiên cứu và không gian khoa học.* Số 5(201)-2015, tr. 102-104.

Bùi Thế Cường. *Điểm sách trên tạp chí nghiên cứu xã hội.* Số 6(202)-2015, tr. 89-90.

Nguyễn Khánh Trung. *Tính khách quan, sự thật xã hội và các tiêu chí chất lượng trong nghiên cứu định tính.* Số 8(204)-2015, tr. 92-101.

Nguyễn Trung Kiên. *Phương pháp quan sát định tính: loại bỏ sai lầm và thực hành mô tả sâu.* Số 11(207)-2015, tr. 108-117.

Phạm Văn Bích. *Độc hiểu văn bản xã hội học bằng tiếng Anh.* Số 12(208)-2015, tr. 94-111.

KỶ NIỆM 25 NĂM THÀNH LẬP TẠP CHÍ KHOA HỌC XÃ HỘI

Thư Tổng biên tập. Số 1(197)/2015, tr. 1-2.

Bùi Thế Cường. *Tản mạn chuyện làm tạp chí.* Số 1(197)/2015, tr. 3-5.

Phan Kim Thoa. *Từ những tháng ngày ấy.* Số 1(197)/2015, tr. 6.

Hà Thúc Minh. *Vài suy nghĩ của một cộng tác viên lâu năm.* Số 1(197)/2015, tr. 7-8.

HỘI THẢO 25 NĂM TẠP CHÍ KHOA HỌC XÃ HỘI

Nguyễn Xuân Thắng. *Phát biểu chỉ đạo của GS.TS. Nguyễn Xuân Thắng – Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam tại Hội thảo 25 năm Tạp chí Khoa học*

xã hội (Thành phố Hồ Chí Minh). Số 3(199)-2015, tr. 1-5.

KỶ NIỆM 40 NĂM THÀNH LẬP VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VÙNG NAM BỘ

Thư Tổng biên tập. Số 9+10(205+206)-2015, tr. 3.

Lê Xuân Diệm. *Viện Khoa học xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh và dấu ấn một thời.* Số 9+10(205+206)-2015, tr. 5-7.

Huỳnh Lửa. *Ban Sử học 20 năm đầu thành lập.* Số 9+10(205+206)-2015, tr. 8-9.

Nguyễn Văn Hạnh. *Những năm tháng đầy kỷ niệm.* Số 9+10(205+206)-2015, tr. 10-11.

Phan An. *Gặp vua Lửa.* Số 9+10(205+206)-2015, tr. 12-13.

Hoàng Thị Thu Huyền. *Nhớ lại những ngày qua.* Số 9+10(205+206)-2015, tr. 14-16.

Nguyễn Xuân Thắng. *Phát biểu của GS.TS. Nguyễn Xuân Thắng, Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam tại Hội thảo 40 năm khoa học xã hội Nam Bộ (1975 - 2015).* Số 9+10(205+206)-2015, tr. 17-23.

Nguyễn Công Bình. *Nhớ mãi 10 thành tựu khoa học phục vụ phát triển xã hội với đường lối chính sách về vùng Nam Bộ.* Số 9+10(205+206)-2015, tr. 24-34.

Mạc Đường. *Trải nghiệm và tầm nhìn.* Số 9+10(205+206)-2015, tr. 35-41.

Bùi Thế Cường. *Nghiên cứu phân tầng xã hội ở Nam Bộ (Nhìn từ đóng góp của Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ).* Số 9+10(205+206)-2015, tr. 42-57.

Trần Văn Tư. *40 năm Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ – thực tiễn, lý luận và phát triển.* Số 9+10(205+206)-2015, tr. 58-62.

Lê Xuân Diệm. *Từ những ấn phẩm khảo cổ học về vùng đất Nam Bộ trong 40 năm qua (1975 - 2015).* Số 9+10(205+206)-2015, tr. 63-68.

Nguyễn Quang Vinh. *Xã hội học đô thị: kiên trì mở xẻ những chủ đề hóc búa.* Số 9+10(205+206)-2015, tr. 69-77.

Phan An. *40 năm nghiên cứu dân tộc Khmer Nam Bộ ở Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.* Số 9+10(205+206)-2015, tr. 78-82.

Trần Thị Ngọc Lang. *40 năm nghiên cứu tiếng Việt Nam Bộ.* Số 9+10(205+206)-2015, tr. 83-87.

Phan Ngọc Chiến. *Lý thuyết nghiên cứu dân tộc học: Những hồi tưởng và cảm nghĩ.* Số 9+10(205+206)-2015, tr. 88-96.

Nguyễn Thị Thanh Xuân. *Nghĩ về việc nghiên cứu văn học ở Sài Gòn - Nam Bộ.* Số 9+10(205+206)-2015, tr. 97-102.

Huỳnh Vĩnh Phúc. *Bốn mươi năm hoạt động nghiên cứu Hán - Nôm của Viện*

Khoa học xã hội vùng Nam Bộ. Số 9+10(205+206)-2015, tr. 103-111.

Nguyễn Văn Trường. *40 năm Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ với vấn đề ruộng đất*. Số 9+10(205+206)-2015, tr. 112-127.

ĐỌC SÁCH

Lê Minh Tiên. *Hiểu nghèo để thoát nghèo: cách mạng tư duy để thoát nghèo trên thế giới*. Số 6(202)-2015, tr. 91-93.

THÔNG TIN KHOA HỌC XÃ HỘI

Bùi Thế Cường. *Seminar quốc tế Những đường hướng phát triển con người ở Đông Nam Á*. Số 3(199)-2015, tr. 105.

Bùi Thế Cường. *Nguyễn Nghị và giải dịch thuật Quĩ văn hóa Phan Châu Trinh 2015*. Số 4(200)-2015, tr. 110-111.

Phan Kim Thoa. *Lễ kỷ niệm 40 năm ngày thành lập Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ*. Số 11(207)-2015, tr. 118-119.

LIST OF ARTICLES IN THE REVIEW OF SOCIAL SCIENCES 2015

PPHILOSOPHY - POLITICAL SCIENCE – LAW

Lê Hồng Anh. *Speech of Lê Hồng Anh, CPV Politburo Member and Permanent Member of the CPV Central Committee's Secretariat, at the Conference Reviewing Operation Activities of 2014 and Initiating Duties in 2015 of the Vietnam Academy of Social Sciences*. N₀ 1(197)/2015: p. 9-13.

Ngô Thị Mỹ Dung. *Some Basic Contents in the Thought of Philosophy of Right of Samuel Von Pufendorf*. N₀ 1(197)/2015: p. 14-21.

Bạch Thị Thu Hiền - Nguyễn Thị Kiều Thu. *On the Relationship between Philosophy and Metaphor*. N₀ 2(198)/2015: p. 1-10.

Nguyễn Hữu Sơn. *Premises for the Formation of Political Thought of Huỳnh Thúc Kháng*. N₀ 3(199)/2015: p. 6-12.

Đỗ Phú Hải. *Essential Problems of the Institutional Renovation in Việt Nam Today*. N₀ 4(200)/2015: p. 1-13.

Dương Đình Tùng. *The Question of "Existence" in Cittamatra Theory (duy thức học) and Its Worth to the Development of Buddhist Philosophy*. N₀ 5(201)/2015: p. 1-8.

Nguyễn Văn Hậu. *On the Effectiveness of Election and Appointment in Governmental Administration*. N₀ 5(201)/2015: p. 9-15.

Hà Ly. *Philosophy of Education – Basis for Education's Renovation and Development*. N₀ 6(202)/2015: p. 1-6.

Võ Châu Thịnh. *Machiavelli's and Hobbes' Conceptions of Human Nature and the Philosophy of Right*. N₀ 7(203)/2015: p. 1-8.

Nguyễn Đức Tuyển. *Some Limitations in Laws and Policies on Women's Professional Education in 2000 - 2014*. N₀ 8(204)/2015: p. 1-12.

Phan Thị Thùy Trâm. *Nguyễn An Ninh's Thoughts of Political Party and People's Front in the National Liberation Revolution*. N₀ 11(207)/2015: p. 1-8.

Võ Châu Thịnh. *Characteristics, Value and Limitations of Machiavelli's Political Philosophy*. N₀ 12(208)/2015: p. 1-10.

ECONOMICS - SOCIOLOGY

Lê Thanh Sang - Nguyễn Đặng Minh Thảo. *Linkage in Shrimp's Production and Consumption: Problems Arising from Case Study in Tân Duyệt Commune, Đầm*

Doi District, Cà Mau Province. N₀ 1(197)/2015: p. 22-35.

Trần Hữu Quang - Phan Thanh Lôi. *Economic Behaviour of Agricultural Households in the Context of Vietnamese Village in Southern Region (Nam Bộ)*. N₀ 1(197)/2015: p. 36-55.

Nguyễn Xuân Nghĩa. *Some New Trends in Social Research from the Second Half of 20th Century until Now*. N₀ 1(197)/2015: p. 56-69.

Lê Thanh Sang - Nguyễn Đăng Minh Thảo. *The Question of Linkage in Rice Production and Consumption of Southwestern Region (Tây Nam Bộ): Case Study of Mong Thọ A Commune, Châu Thành District, Kiên Giang Province*. N₀ 2(198)/2015: p. 11-23.

Ngô Thị Phương Lan. *The Problem of Rice's Sustainable Production in the Mekong Delta*. N₀ 2(198)/2015: p. 24-31.

Lê Thị Mai. *Overseas Vietnamese: Social Integration and Cultural Identity*. N₀ 2(198)/2015: p. 32-47.

Nguyễn Mai Long - Lê Thanh Sang. *Linkage for Sustainable Development of Việt Nam's Southwestern Region (Tây Nam Bộ) in Terms of Enterprises' Business Resoures*. N₀ 3(199)/2015: p. 13-28.

Tôn Nữ Quỳnh Trân. *Way of Life of Hồ Chí Minh City Residents from Louis Wirth's Viewpoint*. N₀ 3(199)/2015: p. 29-36. Nguyễn Tấn Dân. *State of Affairs of Gender Equality in Vietnamese Families – Case Study in an Agricultural Commune in Việt Nam's Southwestern Region (Tây Nam Bộ)*. N₀ 4(200)/2015: p. 14-28.

Đỗ Thiên Kính. *Trends of Social Structure's Transformation in Southern Key Economic Zone in the Renovation Period*. N₀ 4(200)/2015: p. 29-40.

Phan Tân. *The Problem of Rumor in Public Opinion Research: Suggestion for an Approach Dealing with Rumors in Today Situation*. N₀ 4(200)/2015: p. 41-50.

Lê Diễm Thu - Nguyễn Thị Vân. *Development of Supporting Industries in Việt Nam: State of Affairs and Prospects*. N₀ 5(201)/2015: p. 16-26

Nguyễn Thị Bảo Hà. *Needs of the Disabled and Supporting Activities of Social Organizations Devoted to the Disabled in Hồ Chí Minh City Today*. N₀ 5(201)/2015: p. 27-37.

Hoàng Thị Thu Huyền. *Factors Influencing Rural Land Accumulation in Việt Nam's Southwestern Region (Tây Nam Bộ)*. N₀ 6(202)/2015: p. 7-21.

Trần Quý Long. *Time Spent for Doing Housework by Vietnamese Children and Influencing Factors*. N₀ 6(202)/2015: p. 22-33.

Đỗ Thiên Kính. *Trend of Inequalities in Living Standards in Việt Nam During the Last 20 Years of Renovation (1992/1993-2012)*. N₀ 7(203)/2015: p. 9-18.

Nguyễn Thị Minh Châu - Nguyễn Đặng Minh Thảo. *Private Garbage Collectors in Hồ Chí Minh City: Health Risks and Social Protection*. N₀ 7(203)/2015: p. 19-27.

Lê Vy Hào. *Evolutions of Bình Dương Province's Agricultural Economy in Urbanization Context*. N₀ 8(204)/2015: p. 13-25.

Nguyễn Quốc Định. *The Exercise of Labor's Rights at Some FDI Enterprises in Biên Hòa City*. N₀ 8(204)/2015: p. 26-36.

Trần Thị Kim Xuyên - Phạm Thị Thùy Trang. *Urban Way of Life in Hồ Chí Minh City – An Insider's View*. N₀ 9+10(205+206)/2015: p. 128-141.

Hoàng Thị Thu Huyền. *Impact of Rural Land Accumulation on Agricultural Productivity and Socio-Economic Life in Rural Southwestern Region*. N₀ 9+10(205+206)/2015: p. 142-157.

Phan Tuấn Anh. *Developing Manpower Resources for Bình Dương Province's Industrial Zones in the Integration Period*. N₀ 11(207)/2015: p. 9-23.

Đỗ Văn Thắng. *Science and Technology in the Sustainable Development of Hồ Chí Minh City*. N₀ 11(207)/2015: p. 24-32.

Trần Đan Tâm - Nguyễn Thị Cúc Trâm. *Social Change During the Urbanization Process in District 2, Hồ Chí Minh City – Observations From Statistical Data – Research Context in Cát Lái Ward*. N₀ 12(208)/2015: p. 11-20.

Hà Thúc Dũng - Lê Thị Mỹ. *Stratification of Living Standard Between Different Resident Groups in the Urbanization Process (Case Study in Cát Lái Ward, District 2, Hồ Chí Minh City)*. N₀ 12(208)/2015: p. 21-30.

Trần Đan Tâm. *Cultural Leisure Activities of People in the Urbanization Process (Case of Cát Lái Ward, District 2, Hồ Chí Minh City)*. N₀ 12(208)/2015: p. 31-43.

LITERATURE - LINGUISTICS - CULTURAL AND ARTS STUDIES

Trần Thị Ngọc Diễm. *Expressive Character of Addressing Terms in Lyrical Folk Verses (ca dao) in the Mekong Delta of Vietnam*. N₀ 1(197)/2015: p. 70-80.

Hoàng Trọng Quyền. *Thought and Aesthetic in the Imaginary Structure of Hồ Chí Minh's Prison Diary*. N₀ 2(198)/2015: p. 48-54.

Trần Thanh Bình. *Some Effective Grammatical Forms in Poetry*. N₀ 2(198)/2015: p. 55-62.

Nguyễn Hữu Sơn. *Discussion of New Poetry's Contemporary People on Poems of Đông Hồ*. N₀ 3(199)/2015: p. 37-47.

Nguyễn Bá Long. *Leaning-in Inspiration in Young's Poetry during the Anti-American War Period*. N₀ 4(200)/2015: p. 51-58.

Bùi Thanh Thảo. *Image of the Combatant in Patriot-Movement Short Novels in South Việt Nam Cities During 1965-1975 Period*. N₀ 4(200)/2015: p. 59-67.

Trần Phương Nguyên. *Vietnamese Language's Writing Skill Amongst Cham Ethnic Pupils in Hồ Chí Minh City Primary Schools*. N₀ 4(200)/2015: p. 68-75.

Nguyễn Công Đức - Nguyễn Văn Lập. *The Problem of Language Amongst Ethnic-Minority Pupils in the General Education System (Case of M'Nông Pupils, Đắk Nông Province)*. N₀ 5(201)/2015: p. 38-43.

Trần Quốc Hoàn. *A Contribution to Clarifying the Viewpoint of Developing the Idea of "Culture as the Spiritual Basis of the Society"*. N₀ 5(201)/2015: p. 44-49.

Nguyễn Thị Trúc Bạch. *Cải lương Folk Opera in Southern Việt Nam (Nam Bộ): From the Perspective of Cultural Subjects and Expressive Features of the Genre*. N₀ 5(201)/2015: p. 50-57.

Nguyễn Đình Thu. *Artistic Time in Đào Tấn's Hán-Script Poems*. N₀ 6(202)/2015: p. 34-46.

Hồ Xuân Mai. *Factors Influencing Vietnamese Language Teaching and Learning in Primary Schools for Khmer Ethnic Pupils in Hồ Chí Minh City*. N₀ 6(202)/2015: p. 47-53.

Nguyễn Lai. *Reflections on a Mass Line in Language Perspective of Hồ Chí Minh*. N₀ 6(202)/2015: p. 54-59.

Lê Văn Tấn. *The Type of Socio-politically Committed Confucian Scholar in Việt Nam's Middle Age Literature*. N₀ 7(203)/2015: p. 28-40.

Nguyễn Hữu Sơn. *Reception of Trần Đình Hượu's Ideas About Confucianist Studies*. N₀ 7(203)/2015: p. 41-50.

Nguyễn Huy Phòng. *Some Problems of Translated Literature in Our Country Today*. N₀ 8(204)/2015: p. 37-45.

Nguyễn Hữu Lễ. *Evolving Process of Vietnamese Travel Stories Through Different Periods*. N₀ 8(204)/2015: p. 46-57.

Võ Văn Nhơn. *Conception of Novel Amongst Southern Region Writers From the Late Nineteenth Century Until the Early Twentieth Century*. N₀ 9+10(205+206)/2015: p. 158-165.

Lê Trung Hoa. *Ancient, Historical, and Local Words in Southern Region's Place Names*. N₀ 9+10(205+206)/2015: p. 166-176.

Phan Mạnh Hùng. *Modes of Narrative and Descriptive in Southern Region (Nam Bộ)'s Novels in Late 19th Century and Early 20th Century*. N₀ 11(207)/2015: p. 33-47.

Nguyễn Thành Lân. *Some Principles of Commercial Correspondence Translation (English-Vietnamese, Vietnamese-English)*. N₀ 11(207)/2015: p. 48-58.

Phạm Tuấn Vũ - Nguyễn Thị Hương Lại. *Sino-Vietnamese Words in Trần Tế Xương's Poems*. N₀ 12(208)/2015: p. 44-50.

Huỳnh Vĩnh Phúc. *Preliminary Changes from Hán-Nôm Lexicon to National Script (quốc ngữ) Lexicon (A Study of Alexandre de Rhodes' Catechismus in octo dies divisus)*. N₀ 12(208)/2015: p. 51-61.

HISTORY - ANTHROPOLOGY - RELIGIOUS STUDIES

Nguyễn Tùng. *Fear of Walking Across the Hải Vân Pass!* N₀ 1(197)/2015: p. 81-86.

Nguyễn Nghị. *Parish – the Fundamental and Universal Organization of Vietnamese Catholicism*. N₀ 1(197)/2015: p. 87-95.

Đỗ Bang. *Imperial records of Nguyễn dynasty (Châu bản triều Nguyễn) – An Authentic Evidence of Việt Nam's Sovereignty over Paracel and Spratly Islands*. N₀ 2(198)/2015: p. 63-68.

Lê Thị Vĩ Phượng. *On the Expansion Process of Minh Huong Chinese Community through Đại Nam thực lục (Veritable Records of the Đại Nam Empire)*. N₀ 2(198)/2015: p. 69-77.

Đặng Hoàng Lan. *Function and Role of Nhị Phủ Shrine in Socio-Economic Life of Fujian Chinese Ethnic People in Hồ Chí Minh City*. N₀ 2(198)/2015: p. 78-84.

Nguyễn Duy Phương. *Organization and Administration of National Pagoda During the Reign of Minh Mạng (1820-1840)*. N₀ 3(199)/2015: p. 48-57.

Phạm Thanh Thôi. *Transfer of Land-Use Right and Livelihood of Churu Ethnic People in Lâm Đồng Province in Former Period and Nowadays*. N₀ 3(199)/2015: p. 58-70.

Hà Thúc Minh. *Ethics and Mind or Values of Buddhist "Three Trainings" in Life Today*. N₀ 3(199)/2015: p. 71-75.

Trần Thị Nhung. *The Process of Việt Nam's North-South Reunification in Political, Economic, Cultural and Social Areas during the Anti-American Resistance (1954-1975)*. N₀ 4(200)/2015: p. 76-84.

Cao Phương Thảo. *The Position of Bình Dương Province in the Anti-American Resistance War from Military Geography View*. N₀ 4(200)/2015: p. 85-91.

Trần Nam Tiến. *Study of Major Countries' Moves During the Last Days of Việt Nam War*. N₀ 4(200)/2015: p. 92-99.

Hồ Hữu Nhật. *Remembering the First Days of Education Institutions' Takeover in South Việt Nam after the Liberation*. N₀ 4(200)/2015: p. 100-104.

Nguyễn Lục Gia. *Sailing Directions for Marine and Coastal Area of Phú Yên - Bình Định Region*. N₀ 5(201)/2015: p. 58-74.

- Lê Minh Chiến. *Transformation Process of K'ho Ethnic People's Village Organization in Lạc Dương Town, Lâm Đồng Province*. N₀ 5(201)/2015: p. 75-85.
- Nguyễn Khánh Trung Kiên. *Stone-Tool Workshops and Living Conditions of Prehistoric Residents in Việt Nam's Southeastern Region (Đông Nam Bộ)*. N₀ 5(201)/2015: p. 86-99.
- Nguyễn Thị Phương Chi. *Đại Việt-Champa Conflict in the Second Half of 14th Century (1360-1390)*. N₀ 6(202)/2015: p. 60-68.
- Phạm Thị Phương Thanh. *Study of the Formation Process of Vietnamese Maritime Communities in Coastal Area of Bình Thuận Province*. N₀ 6(202)/2015: p. 69-76.
- Nguyễn Tùng. *On Social Organization in Ancient Việt Nam*. N₀ 7(203)/2015: p. 51-62.
- Ngô Đức Lập - Hồ Ngọc Đăng. *Inspection Activities under Nguyễn Dynasty in 1802-1885 Period*. N₀ 7(203)/2015: p. 63-70.
- Phan Duy Anh - Bùi Thanh Xuân. *Strength of the National Great Union in 1945 August Revolution – An Evidence of Hồ Chí Minh's Philosophy of Political Subject*. N₀ 8(204)/2015: p. 58-63.
- Phan Xuân Biên. *From August Revolution in Sài Gòn-Chợ Lớn and Gia Định Seventy Years Ago Until the Period of Renovation, Integration and Development of Hồ Chí Minh City Today*. N₀ 8(204)/2015: p. 64-72.
- Nguyễn Thị Phương. *Việt Nam's Foreign Policy with Northeastern Asian Countries in 1986 - 2006*. N₀ 8(204)/2015: p. 73-83.
- Thiều Thị Trà Mi. *Monetarization and Changes in Socio-Economic Life of Bahnar Ethnic People (Ro'Ngao Local Group)*. N₀ 8(204)/2015: p. 84-91.
- Nguyễn Nghị. *Conditions for the Formation of Behavioral Characteristics of Việt Nam's Mekong Delta Peasants (An Analysis Through Several Local and Foreign Authors from the Early Twentieth Century until Today)*. N₀ 9+10(205+206)/2015: p. 177-195.
- Đặng Ngọc Kính. *Theory of Culture Area, Center vs. Periphery, and Prehistorical Culture Area in Southeastern Region*. N₀ 9+10(205+206)/2015: p. 196-208.
- Võ Công Nguyễn. *Residents and Culture of Ethnic Minorities in Mountainous Areas of Southeastern Region and Southern Central Highlands*. N₀ 9+10(205+206)/2015: p. 209-217.
- Trần Hồng Liên. *Identifying Change Trends in Religious Life of Chinese Ethnic People in Hồ Chí Minh City Nowadays*. N₀ 9+10(205+206)/2015: p. 218-227.
- Nguyễn Thu Vân. *Types of Traditional Farming Tools in Vĩnh Long Province During the 20th Century*. N₀ 11(207)/2015: p. 59-69.

Mai Thị Mỹ Vị. *Indochinese Constitutionalist Party and Its Activities in Cochinchina (1923 - 1939)*. N₀ 11(207)/2015: p. 70-79.

Nguyễn Quốc Mạnh. *Late Prehistoric Vestiges in An Giang Province – Characteristics and Age*. N₀ 11(207)/2015: p. 80-96.

Lê Hoàng Phong. *Common Features Between Southeastern Region's Lithophones and Southern Central Highlands and Southern Central Region's Lithophones*. N₀ 11(207)/2015: p. 97-107.

Nguyễn Công Mạnh. *Expansion of Agricultural Land in Rural Southeastern Region During the Period 1975-2010 (Case Study of Láng Dài Commune, Đất Đỏ District, Bà Rịa-Vũng Tàu Province)*. N₀ 12(208)/2015: p. 62-70.

Lê Thị Sơn. *Popular Beliefs in the Spiritual Life of Viet People in Tiền Giang Province*. N₀ 12(208)/2015: p. 71-80.

ENVIRONMENT AND CLIMATE CHANGE

Nguyễn Thị Thịnh. *Mangrove Reforestation Techniques and the Raising of Community Knowledge in Activities of Coastal Ecosystem Restoration (Pilot Project in Lá Bé Rivulet, 4th Section, Nhơn Bình Ward, Quy Nhơn City, Bình Định Province)*. N₀ 7(203)/2015: p. 71-78.

Nguyễn Thị Thịnh. *Assessing the Efficiency of Climate Change Communication Amongst Coastal Area Communities of Việt Nam's Mekong Delta*. N₀ 9+10(205+206)/2015: p. 228 -235.

Võ Dao Chi - Trần Quang Đạo. *Urbanization and Canal System: Problems of Sustainable Development (Case of Tàu Hủ-Bến Nghé Canal and Nhiều Lợc-Thị Nghé Canal in Hồ Chí Minh City)*. N₀ 12(208)/2015: p. 81-93.

INTERNATIONAL SOCIAL SCIENCES

Zawawi Ibrahim. *Four Generations of Anthropological Research on Malay Peasants*. N₀ 1(197)/2015: p. 96-117.

Lê Minh Tiến. *Adolphe Quételet and Sociological Contributions*. N₀ 2(198)/2015: p. 85-90.

Nguyễn Thị Nhung. *Family Studies and Theoretical Approaches*. N₀ 3(199)/2015: p. 76-83.

Trần Hữu Quang. *The Dialectic of Society According to P. Berger and T. Luckmann and the Social Constructivist Approach*. N₀ 6(202)/2015: p. 77-88.

Paolo Coluzzi. *Linguistic Landscape in Brunei Darussalam: Why Several Languages Are Not Displayed in the Streets*. N₀ 7(203)/2015: p. 79-82.

POLICY BRIEF

Teramoto Minoru. *Experiences from Japan's Aging Society through Works of Tominaga Kenichi*. N₀ 2(198)/2015: p. 91-96.

Lê Thị Hờ Rin. *In-migrant Labors and Arisen Problems*. N₀ 3(199)/2015: p. 84-93.

RESEARCHER'S FORUM

Phạm Văn Bích. *Overcoming Wrong Conceptions of Writing and Writing Skill's Training of Sociologists*. N₀ 1(197)/2015: p. 118-134.

Hoàng Văn Tuyên. *Factors Influencing Abilities of Scientific and Technological Personnel: A Quantitative Approach*. N₀ 3(199)/2015: p. 94-104.

Nguyễn Công Bình. *25 Years of the Review of Social Sciences*. N₀ 4(200)/2015: p. 105-109.

Nguyễn Quang Vinh. *The Review of Social Sciences and the Three Vertices of the Triangle of Quality*. N₀ 5(201)/2015: p. 100-101.

Trần Hữu Quang. *Scientific Review and Scientific Sphere*. N₀ 5(201)/2015: p. 102-104.

Bùi Thế Cường. *Book Review in Vietnamese Journals of Social Research*. N₀ 6(202)/2015: p. 89-90.

Nguyễn Khánh Trung. *Objectivity, Social Truth and Quality Indices in Qualitative Research*. N₀ 8(204)/2015: p. 92-101.

Nguyễn Trung Kiên. *Qualitative Observation Method: Error Elimination and In-Depth Description Practice*. N₀ 11(207)/2015: p. 108-117.

Phạm Văn Bích. *Reading Comprehension of a Sociological Text in English*. N₀ 12(208)/2015: p. 94-111.

25TH ANNIVERSARY OF THE REVIEW OF SOCIAL SCIENCES (HO CHI MINH CITY)

Letter of the Editor-in-Chief. N₀ 1(197)/2015: p. 1-2.

Bùi Thế Cường. *Miscellaneous Notes on Tasks in a Review*. N₀ 1(197)/2015: p. 3-5.

Phan Kim Thoa. *From Those Old Days*. N₀ 1(197)/2015: p. 6.

Hà Thúc Minh. *Some Reflections of a Long-Time Collaborator*. N₀ 1(197)/2015: p. 7-8.

CONFERENCE COMMEMORATING THE 25TH ANNIVERSARY OF THE REVIEW OF SOCIAL SCIENCES (HỒ CHI MINH CITY)

Nguyễn Xuân Thắng. *Speech of Prof. Dr. Nguyễn Xuân Thắng, President of the Vietnam Academy of Social Sciences, at the Conference Commemorating the 25th Anniversary of the Review of Social Sciences (Hồ Chí Minh City)*. N₀ 3(199)/2015: p. 1-5.

FORTY YEARS OF THE SOUTHERN INSTITUTE OF SOCIAL SCIENCES (1975 - 2015)

Letter of the Editor-in-Chief. N₀ 9+10(205+206)/2015: p. 3-4.

MEMORIES OF PAST YEARS

Lê Xuân Diệm. *The Institute of Social Sciences in Hồ Chí Minh City and Milestones of a Period*. N₀ 9+10(205+206)/2015: p. 5-7.

Huỳnh Lửa. *The History Department in its First Twenty Years*. N₀ 9+10(205+206)/2015: p. 8-9.

Nguyễn Văn Hạnh. *A Time Full of Reminiscences*. N₀ 9+10(205+206)/2015: p. 10-11.

Phan An. *Meeting with the King of Fire*. N₀ 9+10(205+206)/2015: p. 12-13.

Hoàng Thị Thu Huyền. *Reminiscing About Past Days*. N₀ 9+10(205+206)/2015: p. 14-16.

ACHIEVEMENTS: LOOKING BACK ON FORTY YEARS

Nguyễn Xuân Thắng. *Speech of Prof. Dr. Nguyễn Xuân Thắng, President of the Vietnam Academy of Social Sciences, at the Conference Forty Years of Social Sciences in Southern Region (1975 - 2015)*. N₀ 9+10(205+206)/2015: p. 17-23.

Nguyễn Công Bình. *Memories of Ten Scientific Achievements Contributing to the Social Development Policy for the Southern Region*. N₀ 9+10(205+206)/2015: p. 24-34.

Mạc Đường. *Experiences and a Bird's Eye View*. N₀ 9+10(205+206)/2015: p. 35-41.

Bùi Thế Cường. *Social Stratification Research in Southern Region (Viewed from the Southern Institute of Social Sciences' Contributions)*. N₀ 9+10(205+206)/2015: p. 42-57.

Trần Văn Tư. *Forty Years of the Southern Institute of Social Sciences – Practice, Theory and Development*. N₀ 9+10(205+206)/2015: p. 58-62.

Lê Xuân Diệm. *From Archaeological Publications on Southern Region During the Last Forty Years (1975 - 2015)*. N₀ 9+10(205+206)/2015: p. 63-68.

Nguyễn Quang Vinh. *Urban Sociology: Steadily Dissecting Thorny Subjects*. N₀ 9+10(205+206)/2015: p. 69-77.

Phan An. *Forty Years of Research on Southern Region's Khmer Ethnic People at the Southern Institute of Social Sciences*. N₀ 9+10(205+206)/2015: p. 78-82.

Trần Thị Ngọc Lang. *Forty Years of Research on Southern Region's Vietnamese Language*. N₀ 9+10(205+206)/2015: p. 83-87.

Phan Ngọc Chiến. *Ethnological Theory: Remembrances and Impressions*. N₀ 9+10(205+206)/2015: p. 88-96.

Nguyễn Thị Thanh Xuân. *Thinking About Literary Research in Sài Gòn - Southern Region*. N₀ 9+10(205+206)/2015: p. 97-102.

Huỳnh Vĩnh Phúc. *Forty Years of Research Activities on Hán-Nôm Script of the Southern Institute of Social Sciences*. N₀ 9+10(205+206)/2015: p. 103-111.

Nguyễn Văn Trường. *Forty Years of the Southern Institute of Social Sciences With the Rural Land Question*. N₀ 9+10(205+206)/2015: p. 112-127.

BOOK REVIEW

Lê Minh Tiến. *Poor Economics: A Radical Rethinking of the Way to Fight Global Poverty*. N₀ 6(202)/2015: p. 91-93.

SOCIAL SCIENCE INFORMATION

Bùi Thế Cường. *International Joint Seminar Tenets of Human Development in Southeast Asia*. N₀ 3(199)/2015: p. 105.

Bùi Thế Cường. *Nguyễn Nghị and the Translation Prize of Phan Chu Trinh Cultural Foundation in 2015*. N₀ 4(200)/2015: p. 110-111.

Phan Kim Thoa. *The 40th Anniversary of the Southern Institute of Social Sciences (1975 - 2015)*. N₀ 11(207)/2015: p. 118-119.

